

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2020/HNGĐ-ST

Ngày 11-6-2020

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Nguyễn Đức Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 93/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Hậu A; nơi cư trú: 6255 SW 47th Mapt 101 D1 F 33314, Hoa Kỳ;

- *Bị đơn:* Chị Vũ Thị H; nơi cư trú: Thôn HD, xã LL, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

Các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Hậu A trình bày:

Anh kết hôn với chị Vũ Thị H tự nguyện của hai bên và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng từ ngày 29 tháng 01 năm 2016. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc chỉ được một thời gian đầu thì anh trở về Mỹ làm thủ tục cho chị H sang đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, do anh không đủ điều kiện để bảo lãnh được cho chị H sang Mỹ nên từ đó anh chị phát sinh mâu thuẫn.

Mỗi khi điện thoại liên lạc với nhau thì vợ chồng tH xảy ra bất đồng quan điểm. Hiện tại, vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa và anh chị quyết định ly hôn, bắt đầu cuộc sống mới.

Anh chị không có con chung, không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn ly hôn và bản tự khai chị Vũ Thị H trình bày:

Chị thống nhất với anh Phạm Hậu A về quá trình kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng. Xác định vợ chồng không còn tình cảm, vợ chồng không thể đoàn tụ đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Phạm Hậu A được ly hôn với nhau.

Về con chung, tài sản chung: Chị H thống nhất với anh Phạm Hậu A vợ chồng không có con chung, tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Phạm Hậu A và chị Vũ Thị H đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị Vũ Thị H đã cung cấp đầy đủ lời khai, tài liệu, chứng cứ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự, bảo đảm cho đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng trình bày về yêu cầu, đề nghị của mình và chứng cứ chứng minh đó là có căn cứ và hợp pháp. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Anh Phạm Hậu A và chị Vũ Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng từ ngày 29 tháng 01 năm 2016 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Hậu A và chị Vũ Thị H. Về con chung, tài sản chung: Anh Phạm Hậu A và chị Vũ Thị H đều xác nhận không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự tại phiên tòa, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Nguyên đơn anh Phạm Hậu A hiện đang sinh sống ở nước ngoài, chị Vũ Thị H sinh sống tại thành

phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Phạm Hậu A và chị Vũ Thị H đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Hậu A kết hôn với chị Vũ Thị H trên cơ sở tự nguyện của hai bên và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng từ ngày 29 tháng 01 năm 2016 theo quy định tại Điều 9; Điều 10 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ được một thời gian đầu thì anh Phạm Hậu A trở về Mỹ làm thủ tục cho chị H sang đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, do anh Phạm Hậu A không đủ điều kiện để bảo lãnh được cho chị H sang Mỹ nên từ đó anh chị phát sinh mâu thuẫn. Chính vì sự xa cách về địa lý nên vợ chồng anh chị ra bất đồng quan điểm. Anh chị đều xác định vợ chồng không còn tình cảm và đều quyết định ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh Phạm Hậu A và chị Vũ Thị H đã trầm trọng, vợ chồng không quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của anh Phạm Hậu A.

[4] Về con chung, tài sản chung: Anh Phạm Hậu A và chị Vũ Thị H đều xác nhận không có con chung, không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Hậu A là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Hậu A và chị Vũ Thị H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Hậu A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Hậu A được ly hôn chị Vũ Thị H.
2. Về con chung: Anh Phạm Hậu A và chị Vũ Thị H không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung: Anh Phạm Hậu A và chị Vũ Thị H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Hậu A phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0008476 ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Phạm Hậu A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Hậu A (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Chị Vũ Thị H (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tuyến

Nguyễn Xuân Tuyền

